TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 01- 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Tr

2. Bà Lưu Thị Kim Th

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1987

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Đều ĐKHKTT: Khu 01, xóm Tân Tiến, xã H, thành phố V, tỉnh P. (Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/10/2022, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm ở khu 1, xóm Tân Tiến, xã H, thành phố V, sau đó anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, có khi vài tháng mới về một lần, không có trách nhiệm với gia đình, gần một năm nay anh T ít về mà chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, do không còn yêu tH và quan tâm đến nhau nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, nên chị không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố

tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P; nhà văn hóa khu 01, xã H và trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh P theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 01/12/2022, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa pH nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T và được đại diện chính quyền địa pH cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh P năm 2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng đều cư trú tại khu 1, xóm Tân Tiến, xã H, thành phố V, tỉnh P. Anh T đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng có về nhà xong lại đi làm ăn, còn làm việc ở đâu địa pH không nắm bắt được thông tin vì anh T không khai báo mà là đi làm tự do. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng không có con chung và không thường xuyên sinh sống cùng nhau, gần đây khu dân cư có nghe thông tin vợ chồng có mâu thuẫn vì anh T không quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình với chị H, thường xuyên vắng nhà. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn từ chối công khai chứng cứ và từ chối hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H. Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nơ chung, công sức đóng góp: Chị H trình bày không có nhưng do anh T vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là tranh chấp

hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn chị Cao Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại: Khu 1, xóm Tân Tiến, xã H, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như chị H trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm, sau đó thì anh T đi làm ăn xa không có trách nhiệm với gia đình. Khoảng gần một năm nay anh T ít về nhà, chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu tH nhau, chị cũng không còn tình cảm và không còn yêu tH anh T. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của anh T nhưng qua việc xác minh tại chính quyền địa pH nơi anh T cư trú được biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh P năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng không có con chung và không thường xuyên sinh sống cùng nhau, gần đây khu dân cư có nghe thông tin vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn vì anh T không quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình với chị H và thường xuyên vắng nhà. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị H trình bày không có nhưng do anh T vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 Điều

227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009837 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

5. Chị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. V, T. P;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THADS TP. V, T. P;*
- *UBND xã H, TP. V, T. P;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh T